

Bản án số: 68/2021/HSST
Ngày: 23-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Út Hậu

2/ Ông Hồ Minh Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 71/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1) Phạm Hoàng N, sinh năm 2000. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: công nhân; Trình độ học vấn (văn hóa): 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Phạm Bé T, sinh năm: 1956 (sống) và Nguyễn Thị T, sinh năm 1959 (sống); Anh ruột: có 01 người, sinh năm 1998; Vợ, con: Không; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 01/7/2021, chuyển tạm giam từ ngày 10/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2) **Nguyễn Văn B**, sinh ngày 08/9/2003. Nơi sinh: Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn (văn hóa): 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 (sống) và bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1962 (sống); Em ruột: có 01 người, sinh năm 2004; Vợ, con: Không; Tiền sự: không; Tiền án: không.

Bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ từ ngày 01/7/2021, chuyển tạm giam từ ngày 10/7/2021, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B:*

Ông Nguyễn Châu Chí Cường – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phạm Bé T, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người chứng kiến:*

Ông Lê Văn V, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 10 phút ngày 01/07/2021, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Ô kết hợp Công an phường P tiến hành khám xét khẩn cấp người, phương tiện đối với Phạm Hoàng N, khám xét khẩn cấp người đối với Nguyễn Văn B tại trước quán cà phê Thanh T thuộc khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Qua khám xét lực lượng công an thu giữ 01 (một) gói ni lông được quấn bằng keo đen bên ngoài nghi là ma túy trên vỉa hè cặp đường Tôn Đức Thắng ngay vị trí của N đang đứng. Sau đó lực lượng Công an tiến hành niêm phong thu giữ tang vật. Tiếp tục khám xét chỗ ở của Phạm

Hoàng N tại số nhà 52 khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ không thu giữ vật chứng gì khác.

Căn cứ kết luận giám định số 241/KLGD-PC09 ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: tinh thể không màu trong gói ni lông gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2239 gam.

Qua điều tra chứng minh được, vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/7/2021, Phạm Hoàng N điều khiển xe mô tô 62M1-124.51 đi đến nhà của Nguyễn Văn B để rủ B mua ma túy sử dụng thì B đồng ý. Do không có tiền nên N và B thống nhất dùng điện thoại di động nhãn hiệu iPhone5 của N để thế chấp cho người bán ma túy để mua gói ma túy giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). B là người trực tiếp liên hệ với người bán ma túy tên T (không rõ họ tên, địa chỉ), sau đó B chở N bằng xe mô tô 62M1-124.51 đến đường Nguyễn Chí T, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ thì N xuống xe đợi còn B một mình đi gặp T để mua ma túy. Sau khi mua ma túy xong, B đưa gói ma túy cho N cất giữ. Trên đường về tìm nơi sử dụng, khi đến quán cà phê Thanh T thuộc khu vực T, phường P, quận Ô bị công an khám xét nên N bỏ gói ma túy đá xuống vỉa hè thì bị công an phát hiện thu giữ ma túy. Mục đích mua ma túy là để N và B cùng sử dụng chung. N bắt đầu sử dụng ma túy từ năm 2021, lần sử dụng gần nhất là ngày 30/6/2021. B bắt đầu sử dụng từ năm 2020, lần sử dụng gần nhất là ngày 30/6/2021.

Đối với người tên T bán ma túy cho Nguyễn Văn B do không xác định được họ, tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với xe mô tô biển số 62M1-124.51: qua tra cứu người đứng tên sở hữu là Lương Minh T, địa chỉ: ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An, qua làm việc với ông T, ông mua xe vào năm 2012, đến năm 2015 ông bán lại cho một người đàn ông tên H (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), ông T không có yêu cầu gì. Qua làm việc với ông Phạm Bé T, ông mua xe trên vào năm 2015 với giá 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) ở huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nhưng không nhớ mua của ai, địa chỉ ở đâu, vào ngày 01/7/2021 thì ông cho N mượn đi hớt tóc và qua nhà B chơi, ông không biết việc N và B sử dụng làm phương tiện đi mua ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) gói niêm phong số: 241/KLGD-PC09 ngày 09/07/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ, có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đoàn Trường An và có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ.

- 01 (một) xe mô tô biển số 62M1-124.51, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: SIRIUS, màu đen đỏ, số máy: 5C63-671251, số khung: RLCS5C630CY671195, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong, ngoài xe.

- 01 (một) điện thoại di động màu vàng gold, có ghi chữ PHILIPS, có số IMEI 1: 868922023790013, số IMEI 2: 868922023840016, gắn sim Mobifone số seri: 8401180950122516WD, đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKSOM-HS ngày 06/9/2021 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô, thành phố Cần Thơ để xét xử Phạm Hoàng N và Nguyễn Văn B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, về nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng N mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 101 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số: 241/KLGD-PC09 ngày 09/07/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ, có chữ ký

của cán bộ niêm phong Nguyễn Đoàn Trường An và có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ;

+ Đối với tài sản thu giữ của ông Phạm Bé T: 01 (một) xe mô tô biển số 62M1-124.51, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: SIRIUS, màu đen đỏ, số máy: 5C63-671251, số khung: RLCS5C630CY671195, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong, ngoài xe không liên quan đến việc phạm tội nên đề nghị trả lại cho ông T.

+ Đối với tài sản thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B: 01 (một) điện thoại di động màu vàng gold, có ghi chữ PHILIPS, có số IMEI 1: 868922023790013, số IMEI 2: 868922023840016, gắn sim Mobifone số seri: 8401180950122516WD, đã qua sử dụng là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và điều luật truy tố bị cáo B theo nội dung cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo B có các tình tiết giảm nhẹ như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo B thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại thời điểm phạm tội bị cáo B là người chưa thành niên, khả năng nhận thức hành vi còn hạn chế, không lường trước hậu quả. Bị cáo không có ý thức cố ý xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy và không cố ý xâm phạm đến trật tự tại địa phương. Hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, cha bị cáo bỏ đi nơi khác từ nhỏ, mẹ hay đi làm xa, bị cáo không có ai quan tâm giáo dục, trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã nhận thức được hành vi là sai trái, bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc về lượng ma túy phạm tội thấp nên quyết định hình phạt tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù đối với bị cáo Bảo.

- Bị cáo B thống nhất lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận: Viện kiểm sát đã xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B, bị cáo đã mua ma túy về sử dụng nhiều lần, Hội đồng xét xử nên xem xét cân nhắc ý thức phạm tội của bị cáo, Viện kiểm sát đã căn cứ khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự đề nghị mức án phù hợp cho bị cáo nên Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B: Giữ nguyên quan điểm bảo vệ.

- Các bị cáo thừa nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can tại cơ quan điều tra; Biên bản khám xét ngày 01/7/2021; Bản thống kê những đồ vật, tài liệu tạm giữ khi khám xét ngày 01/7/2021; Bản Kết luận giám định số 241/KLGD-PC09 ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ; Biên bản niêm phong, mở niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; các biên bản ghi lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 01/7/2021, bị cáo N điều khiển xe mô tô 62M1-124.51 đến nhà của bị cáo B để rủ B mua ma túy sử dụng thì B đồng ý. N và bảo thống nhất dùng điện thoại di động nhãn hiệu iPhone5 của N để thế chấp cho T là người bán ma túy để mua gói ma túy giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Sau khi mua ma túy xong, B đưa gói ma túy cho N cất giữ. Trên đường về tìm nơi sử dụng, đến quán cà phê Thanh T bị công an khám xét nên N bỏ gói ma túy đá xuống vỉa hè thì bị công an phát hiện thu giữ ma túy. Qua khám xét lực lượng công an thu giữ 01 (một) gói ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,2239 gam trên vỉa hè cặp đường Tôn Đức Thắng ngay vị trí của N đang đứng.

Các bị cáo đã thống nhất cùng nhau trong việc thực hiện việc mua chất ma túy về để tàng trữ cùng nhau sử dụng, điều này cho thấy các bị cáo phạm tội do lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Ma túy là hiểm họa lớn của toàn nhân loại, đã trực tiếp hủy hoại cuộc sống của hàng triệu con người và nó là mối đe dọa lớn đối với đời sống xã hội, đất nước. Vì vậy, Nhà nước đã có chế tài nghiêm khắc đối với loại tội phạm này.

Bị cáo N là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo B khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên, khả năng nhận thức hành vi còn hạn chế.

Tuy nhiên, các bị cáo biết rõ tác hại và hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy, biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo vì muốn thỏa mãn cơn nghiện của bản thân nên đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ. Đồng thời, gây ảnh hưởng tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Xét thấy, các bị cáo có vai trò đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức độ giản đơn, vì vậy Hội đồng xét xử có xem xét mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Do đó, để giáo dục răn đe các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo B là người có hoàn cảnh khó khăn, cha đã bỏ đi nơi khác từ nhỏ, bị cáo thiếu sự quan tâm chăm sóc, giáo dục từ gia đình nên đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51

Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết này và xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo để cân nhắc hình phạt khi lượng hình.

Người bào chữa cho bị cáo B thống nhất nội dung Cáo trạng của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Đối với ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo B: Người phạm tội là người chưa thành niên nên nhận thức còn hạn chế về tính chất nguy hiểm cho xã hội cũng như hậu quả của hành vi phạm tội. Xét các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa nên cần áp dụng mức án nghiêm khắc để nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội. Việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù đối với bị cáo B là chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Để tạo điều kiện thuận lợi cho các bị cáo khi chấp hành án nên không phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Theo đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa nêu trên là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Đối với người đàn ông tên T, bị cáo B khai là người bán ma túy cho bị cáo B và N nhưng không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không xác minh được. Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Ô tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ cơ sở xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Phạm Hoàng N và Nguyễn Văn B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Hoàng N.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Xử phạt: Phạm Hoàng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2021.

Xử phạt: Nguyễn Văn B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/7/2021.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1821 gam, được niêm phong vào 01 (một) gói niêm phong số 241/KLGD-PC09 ngày 09/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ, có chữ ký của cán bộ niêm phong Nguyễn Đoàn Trường An và có đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu vàng gold, có ghi chữ PHILIPS, có số IMEI 1: 868922023790013, số IMEI 2: 868922023840016, gắn sim Mobifone số seri: 8401180950122516WD, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn B.

- Trả lại cho ông Phạm Bé T: 01 (một) xe mô tô biển số 62M1-124.51, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: SIRIUS, màu đen đỏ, số máy: 5C63-671251, số khung: RLCS5C630CY671195, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong, ngoài xe.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô quản lý theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/9/2021 của Công an quận Ô)

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô;
- Chi cục THADS Q. Ô;
- Công an Q. Ô;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng